TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 128/2018/DSPT
Ngày: 18-12-2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu.

Ông Đoàn Ngọc Thiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Điệp – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2018/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thùy C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã X (phường X), huyện T (thị xã M), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ B, đường A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1940; địa chỉ: Tổ B, đường A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trụ sở: Đường Đ, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công V, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy C trình bày:

Năm 2007, cha ruột của bà Hồ Thị Thùy C là ông Hồ Q có tặng cho bà C diện tích đất 463m^2 thuộc thửa 364, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức; theo Hợp đồng tặng cho số 275.12.HĐTA được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức chứng thực ngày 17/12/2007. Ngày 08/01/2018, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức điều chỉnh sang tên cho bà Hồ Thị Thùy C tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK250437 ngày 13/11/2007 do ông Hồ Q đứng tên. Bà C đã chuyển mục đích 100m^2 sang đất ở theo quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 08/4/2008 của Ủy Ban nhân dân huyện Châu Đức. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Q và sau đó ông Hồ Q tặng cho bà C đất này thì hàng ranh đất từ trước ra sau là hàng ranh thẳng, đúng với sơ đồ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008, bà C lấy chồng và sinh sống tại xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên không quản lý sử dụng thửa đất nói trên. Năm 2015, bà C phát hiện bà Nguyễn Thị Thu H trồng cột bê tông, rào lưới B40 và trồng cây lấn sang thửa đất của bà C với diện tích khoảng 70m^2. Bà C đã đến chính quyền địa phương trình báo và yêu cầu bà H trả lại đất cho bà C nhưng bà H và ông L không đồng ý nên bà C có gửi đơn lên Phòng tài nguyên Môi trường huyện Châu Đức để đề nghị xác định lại ranh giới. Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Châu Đức cùng Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành đã xuống kiểm tra nhưng bà H vẫn không trả lại đất cho bà C. Theo kết quả đo vẽ thì bà H lấn sang đất của bà C là 105m^2 là một phần diện tích thuộc thửa 364, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức.

Nay bà Hồ Thị Thùy C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H tháo gỡ lưới B40 và trụ bê tông để trả lại cho bà C diện tích đất 105m^2. Bà C đồng ý hoàn trả cho bà H số tiền tương ứng với số cây trồng trên đất mà bà H trả cho bà C theo biên bản định giá tài sản ngày 19/4/2018.

2. *Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu H là con ruột của ông Nguyễn Văn L. Năm 2012, ông L tặng cho bà H diện tích đất 402m^2 thuộc thửa số 535, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức và đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910735 ngày 26/9/2012 cho bà H đứng tên. Từ khi ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng đất thì đã có hàng ranh. Ban đầu chỉ là 01 ranh đơn sơ, sau đó vào năm 1981 do sợ bò của ông Hồ Q qua phá hoa màu nên ông L đã dùng dây kẽm gai để rào và có gieo hạt keo theo bờ ranh với mục đích làm hàng rào. Sau đó, hàng rào đã cũ nên năm 2011 ông L làm hàng rào trụ bê tông giăng lưới B40. Ngày 06/9/2012, ông Nguyễn Văn L tách thửa để tặng cho bà H diện tích đất 402m^2. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và ông L tách thửa để cho bà H đất thì hàng ranh đất từ trước ra sau là đường thẳng. Khi bà H nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H biết ranh theo sơ đồ đất là đường thẳng nhưng ranh đất thực tế là cong. Nay bà C cho rằng bà H đã lấn sang đất của bà C diện tích là

105m^2 và yêu cầu bà H trả lại thì bà H không đồng ý vì ranh đất này đã có từ lúc ông L nhận sang nhượng đất vào năm 1980 cho đến nay. Nếu có cơ sở cho rằng bà H lấn đất của bà C thì bà H đồng ý dời hàng rào trụ bê tông và lưới B40 theo đúng hàng ranh mà bà C được chấp nhận. Về kết quả đo vẽ sơ đồ vị trí đất và kết quả định giá tài sản thì bà H không có ý kiến gì.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Năm 1980, ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng diện tích đất 2.786m^2, tọa lạc tại thôn Quảng Tây, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi nhận chuyển nhượng thì giữa đất ông L và đất ông Hồ Q đã có hàng ranh trồng cây vông và rào kẽm gai từ trước ra sau. Ông L và ông Q canh tác đất và không ai tranh chấp. Năm 2011, số kẽm gai bờ rào bị mục và một số cây vông bị chết nên ông L làm lại hàng rào bằng lưới B40 theo đường ranh cũ. Lúc đó, ông L có mời ông Hồ Q ra xác định ranh thì ông Q không có ý kiến gì. Năm 2012, ông L tách thửa và cho con gái là bà Nguyễn Thị Thu H diện tích đất 402m^2 thuộc thửa đất số 535, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành. Như vậy, Khi hàng ranh cũ bị hư thì ông L làm lại hàng ranh mới rồi mới tách thửa và tặng cho bà H diện tích đất 402m^2. Kể từ khi bà H nhận đất sử dụng cho đến nay thì ranh không có gì thay đổi. Bà C cho rằng bà H đã lấn sang đất của bà C diện tích 105m^2 và yêu cầu bà H trả lại cho bà C phần diện tích đất lấn chiếm thì ông L không đồng ý vì ranh đất này đã có từ lúc ông L nhận sang nhượng đất vào năm 1980 cho đến nay.

4. Theo ý kiến tại các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức và do ông Lê Văn Dũng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông L, ông Q và sau đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và bà H là đúng theo trình tự, thủ tục.

5. *Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã tuyên như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thùy C về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả lại cho bà C diện tích đất 105m^2, loại đất nông nghiệp, là một phần trong diện tích đất 463m^2 thuộc thửa 364, Tờ bản đồ 6 tọa lạc tại xã Nghĩa Thành. Đất được Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 250437 ngày 13/11/2007 cho hộ ông Hồ Q, bà Hồ Thị Thùy C được nhận tặng cho quyền sử dụng đất này theo xác nhận ngày 08/01/2008, có sơ đồ đo vẽ ngày 30/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức kèm theo. Bà H phải di dời hàng rào trụ bê tông và lưới B40 để trả lại đất cho bà C.

Bà C được sử dụng 01 cây Mít và 03 cây Tràm có trên diện tích đất 105m^2; bà C trả cho bà H trị giá số cây trồng này là 1.375.100đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí đo vẽ, định giá và thời hạn kháng cáo.

6. Ngày 11 tháng 9 năm 2018, bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị

Thùy C về việc buộc bà H phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và trụ bê tông để trả lại cho bà C diện tích đất 105m^2.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp và không cung cấp thêm chứng cứ mới. Ông L cho rằng trên diện tích đất tranh chấp là 01 cây mít, 01 cây tràm và 02 cây lồng mứt chứ không phải 03 cây tràm như trong bản án sơ thẩm nêu. Bà C cũng xác định trên diện tích đất tranh chấp là 01 cây mít, 01 cây tràm và 02 cây lồng mứt nhưng bà C yêu cầu bà H chặt bỏ chứ bà H không sử dụng các cây này nên không bồi thường cho bà H.

8. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Châu Đức tại Tòa án cấp sơ thẩm đã hết thời hạn ủy quyền tại Tòa án cấp phúc thẩm. Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Châu Đức được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên phiên tòa xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Châu Đức là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Nguồn gốc diện tích đất 463m^2 thuộc thửa 364, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức sang tên cho bà Hồ Thị Thùy C vào ngày 08/01/2018 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 250437 ngày 13/11/2007 do ông Hồ Q đứng tên; theo hợp đồng tặng cho giữa ông Q và bà C số 275.12.HĐTA được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức chứng thực ngày 17/12/2007. Bà C đã chuyển mục đích sang đất ở 100m^2 theo quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 08/4/2008 của Ủy Ban nhân dân huyện Châu Đức. Theo sơ đồ thửa đất tại trang 2 của sổ đỏ số AK 250437 ngày 13/11/2007 do ông Hồ Q đứng tên có tứ cận: Bắc giáp đất thửa 207 rộng 5m; Nam giáp đường 31 rộng 5m; Tây giáp thửa đất 262 là đường thẳng dài 100m; phía Đông giáp thửa đất 263 (đất ông L tặng cho bà H) dài 100,13m là đường thẳng.

[4]. Nguồn gốc diện tích đất 402m^2 thuộc thửa số 535, Tờ bản đồ số 06 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức đã được UBND huyện Châu Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số BL 910735 ngày 26/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên là do ông Nguyễn Văn L (cha ruột của bà H) tặng cho bà H vào ngày 06/9/2012. Theo sơ đồ vị trí mà Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức lập ngày 16/7/2012 do ông Nguyễn Văn L chỉ ranh để tách thửa đất 535 có tứ cận: Bắc giáp đất ông Kỷ rộng 4,73m; Nam giáp đường 31 rộng 4,35m; Tây giáp đất bà C là đường thẳng dài 100m; phía Đông dài 100m là đường thẳng.

[5]. Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức lập ngày 12/12/2018 và bà C, bà H đều khẳng định thì kích thước phía Bắc, phía Nam thửa đất 364 thuộc quyền sử dụng của bà C và thửa đất 535 thuộc quyền sử dụng của bà H đều không thay đổi.

Phần ranh giới giữa thửa đất 535 bà H sử dụng uốn công, lấn sang thửa đất 364 thuộc quyền sử dụng của bà C là 105m^2 nên diện tích thực tế bà H đang sử dụng là 402m^2 + 105m^2 = 507m^2 (dư so với sổ đỏ được cấp cho bà H 105m^2). Diện tích bà C đang sử dụng là 358m^2 (thiếu diện tích so với sổ đỏ được cấp cho bà C là 105m^2).

[6]. Theo bà H thì khi bà H được nhận tặng cho đất, bà H biết ranh giới giữa đất bà H và đất bà C theo giấy tờ là thẳng còn ranh thực tế là cong nhưng ông L, bà H không có ý kiến gì. Người làm chứng ông Đặng Văn Nho là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn L xác nhận là vào thời điểm ông L nhận chuyển nhượng đất thì ông L có chôn trụ bê tông làm ranh giới giữa thửa đất ông L và thửa đất ông Q kéo dài từ đường 29 đến đường 31 là đường thẳng (ở giữa không rào kẽm gai hay trồng bất cứ cây gì).

[7]. Từ những chứng cứ đã nêu trên cho thấy, bản án sơ thẩm buộc bà H phải di dời hàng rào lưới B40, trụ bê tông để trả lại cho bà C diện tích đất 105m^2 là có căn cứ.

[8]. Bản án sơ thẩm giao cho bà C được sử dụng 01 cây Mít và 03 cây Tràm có trên diện tích đất 105m^2; bà C trả cho bà H trị giá số cây trồng này là 1.375.100đồng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì ông L, bà H, bà C đều xác định trên diện tích đất tranh chấp là 01 cây Mít, 01 cây Tràm và 02 cây Lồng mứt chứ không phải 01 cây Mít và 03 cây Tràm; chứng tỏ Biên bản định giá và bản án sơ thẩm xác định sai tên loại cây nhưng các đương sự không tranh chấp về số lượng, kích thước cây và giá cả nên cần xác định lại là: Trên diện tích đất 105m^2 mà bà H phải trả lại cho bà C có 01 cây Mít, 01 cây Tràm và 02 cây Lồng mứt trị giá 1.375.100đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà C đồng ý được quyền sở hữu các cây trồng này và bồi thường cho bà H 1.375.100đồng nên bản án sơ thẩm đã giao cho bà C sở hữu các cây trồng trên diện tích đất tranh chấp và bà C phải bồi thường cho bà H 1.375.100đồng. Bà C không kháng cáo nên tại phiên tòa phúc thẩm, việc bà C không đồng ý nhận 01 cây Mít, 01 cây Tràm, 02 cây Lồng mứt và không bồi thường cho bà H thì không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và cấp sơ thẩm đã xử lý đúng quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đánh giá, phân tích thêm.

[9]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H.

Do sơ đồ vị trí mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức lập ngày 30/10/2017 chưa thể hiện đầy đủ diện tích thửa đất 364 và thửa đất 535 nên Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu đo vẽ lại, vì vậy áp dụng sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đức lập ngày 12/12/2018 để xử lý vụ án đồng thời trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không rõ nên cần phải sửa một phần Quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

Chi phí đo vẽ bổ sung bà H phải nộp 912.950đồng nhưng bà C Đã nộp đủ nên bà H phải nộp 912.950đồng để hoàn trả cho bà C.

[10]. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164; Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H. Sửa một phần nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thùy C về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả lại cho bà C diện tích đất 105m^2, loại đất nông nghiệp, là một phần diện tích đất thuộc thửa 364, Tờ bản đồ 6 tại xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức. Đất này đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức chỉnh lý sang tên cho bà Hồ Thị Thùy C vào ngày 08/01/2018 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 250437 ngày 13/11/2007 do ông Hồ Q đứng tên. Bà H phải di dời hàng rào lưới B40, trụ bê tông để trả lại đất cho bà C. Diện tích đất mà bà H trả lại cho bà C được xác định tại các tọa độ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. 10, 11, 12, 13, 14 theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Đức lập ngày 12 tháng 12 năm 2018.

2. Bà Hồ Thị Thùy C được sở hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 105m^2 mà bà Nguyễn Thị Thu H phải trả lại cho bà C nhưng bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà H trị giá số cây trồng này là 1.375.100đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm đồng).

3. Tiền chi phí đo vẽ, định giá tài sản bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 3.762.950đồng nhưng bà Hồ Thị Thùy C đã nộp tạm ứng 3.762.950đồng nên bà H phải nộp 3.762.950đồng để hoàn trả cho bà C.

Khấu trừ trị giá số cây trồng mà bà Hồ Thị Thùy C phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H là 1.375.100đồng vào số tiền chi phí đo vẽ, định giá mà bà H phải trả cho bà C nên bà H còn phải trả cho bà C số tiền là 2.387.850đồng (Hai triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn, tám trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí là 2.625.000đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bà Hồ Thị Thùy C phải chịu án phí 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp là 1.000.000đồng theo biên lai số AA/2014/ 09501 ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thùy C số tiền tạm ứng án phí còn lại là 800.000đồng (Tám trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0004930 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- TAND huyện Châu Đức;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu